

Số/No:.....26/TN5/1901-01.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2026/1619

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1901-01 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý.
Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 21/07/2026
Lượng mẫu: 10L.
Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 21/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,1
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	6,13
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 150	KPH (GHPH = 5,0)
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	4,7
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 150	15,0
6	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	SMEWW 2612D:2023	≤ 100	< 10,0
7	Asen	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	< 0,010
8	Thủy ngân	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Chì	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cadimi	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom (III)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,003)
13	Đồng	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Kẽm	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Niken	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No 26/TN5/1901-01.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2026/1619

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
16	Mangan	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
17	Sắt	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	KPH (GHPH = 0,03)
18	Tổng Xianua	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	$\leq 0,5$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	$< 3,0$
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	$\leq 0,5$	$< 0,10$
23	Florua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	KPH (GHPH = 0,05)
24	Clorua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	172
25	Amoni (Tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
26	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	31,8
27	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,579
28	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 5000	$1,4 \times 10^2$

Ghi chú: - QCVN 40:2011/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp – cột B;

“- “: Không quy định trong quy chuẩn;

- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1901-02.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2026/1620

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1901-02 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải công nghiệp sau xử lý.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: **21/07/2026**
Lượng mẫu: **10L.**
Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.**
Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.**
Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,2
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	7,04
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 150	< 10,0
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	5,8
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 150	18,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	SMEWW 2612D:2023	≤ 100	20,0
7	Asen	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	0,016
8	Thủy ngân	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Chì	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cadimi	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom (III)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 1	< 0,010
13	Đồng	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Kẽm	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Niken	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	< 0,10

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No 26/TN5/1901-02.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2026/1620

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
16	Mangan	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	0,215
17	Sắt	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	KPH (GHPH = 0,03)
18	Tổng Xianua	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	$\leq 0,5$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	$\leq 0,5$	< 0,10
23	Florua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	0,754
24	Clorua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	80,1
25	Amoni (Tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
26	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	< 3,0
27	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,584
28	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 5000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT-B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp – cột B;
- “-”: Không quy định trong quy chuẩn;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1901-03.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2026/1621

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1901-03 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải điểm xả cuối Mixing tank.**
Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
Ngày lấy mẫu: **21/07/2026**
Lượng mẫu: **10L.**
Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.**
Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.**
Ngày hoàn thành: **24/08/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	28,0
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	6,58
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 150	< 10,0
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	11,7
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 150	37,3
6	Tổng chất rắn lơ lửng, TSS	mg/L	SMEWW 2612D:2023	≤ 100	16,0
7	Asen	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	0,010
8	Thủy ngân	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Chì	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cadimi	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom (III)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,003)
13	Đồng	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Kẽm	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Niken	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No 26/TN5/1901-03

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2026/1621

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011 BTNMT Cột B	Kết quả
16	Mangan	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
17	Sắt	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	0,135
18	Tổng Xianua	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	$\leq 0,5$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	$\leq 0,5$	< 0,10
23	Florua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	0,532
24	Clorua	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	169
25	Amoni (Tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
26	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	18,9
27	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,798
28	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 5000	$1,5 \times 10^2$

Ghi chú:

- **QCVN 40:2011/BTNMT-B:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp – cột B;
- “-”: Không quy định trong quy chuẩn;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1913

Trang/Page: 1/1

VIMCERT 093/2026/1628

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Phiếu kết quả này thay cho phiếu kết quả số 26/TN5/1913 ra ngày 28/08/2026)

Tên mẫu thử: Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý – Khu ký túc xá.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 22/07/2026.
Lượng mẫu: 10L.
Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550 B:2023	≤ 40	27,8
2	pH	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9	6,60
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 50	< 3,0
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	≤ 150	< 9,0
5	SS	mg/L	SMEWW 2540 D:2023	≤ 100	< 10,0
6	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 5	< 0,10
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	-	KPH (GHPH = 1,0)
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 2	KPH (GHPH = 0,30)
10	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 10	0,809
11	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	≤ 0,5	< 0,10
12	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1000	57,0
13	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
14	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 40	13,9
15	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	2,69
16	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 5000	9,4x10 ¹

Ghi chú:

- Quatest1 được bộ Tài Nguyên Môi Trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với số hiệu Vimcerts 093;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (Cột B);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

THỦ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-01.....

Trang/Page:.....1/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp đầu vào.
- Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
- Lượng mẫu: 21/07/2026.
- Ngày lấy mẫu: 10L.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 21/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
- Ngày hoàn thành: 24/08/2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026
GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-01.....

Trang/Page:.....2/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	1,8
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,24
5	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	106
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	152
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,2	0,050
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,02	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1,3	0,034
12	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	9,68
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,05	< 0,0030
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 1,5	< 0,15
17	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ F:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,3	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,010)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-01.....

Trang/Page:.....3/3....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,001	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,9	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,968
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	2,90
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	1,57
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-02.....

Trang/Page:.....1/3...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp tại vị trí vòi sử dụng.
- Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
- Lượng mẫu: 21/07/2026.
- Ngày lấy mẫu: 10L.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 21/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
- Ngày hoàn thành: 24/08/2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-02.....

Trang/Page:.....2/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,49
5	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	112
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	140
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,2$	0,047
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,02$	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 1,3$	0,034
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	14,76
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,05$	0,0055
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 1,5$	0,177
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} F:2023	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,3$	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,010)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-02.....

Trang/Page:.....3/3....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,001	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,9	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,996
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	8,47
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,5
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: **QCVN 01-1: 2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-03.....

Trang/Page:.....1/3...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước RO.**
- Khách hàng: **Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.**
- Lượng mẫu: **21/07/2026.**
- Ngày lấy mẫu: **10L.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.**
- Ngày hoàn thành: **24/08/2026**

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

15 GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-03.....

Trang/Page:.....2/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,26
5	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	KPH (GHPH = 1,0)
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	4
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,2$	KPH (GHPH = 0,010)
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,02$	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 1,3$	KPH (GHPH = 0,010)
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	< 0,45
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,010)
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 1,5$	KPH (GHPH = 0,05)
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} F:2023	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,3$	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,010)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1902-03.....

Trang/Page:.....3/3....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,001	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,9	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,066
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	< 0,10
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: **QCVN 01-1: 2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1914-01.....

Trang/Page:.....1/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp đầu vào tại bể chứa - Khu ký túc xá.
- Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
- Lượng mẫu: 22/07/2026.
- Ngày lấy mẫu: 10L.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
- Ngày hoàn thành: 24/08/2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1914-01

Trang/Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,62
5	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	KPH (GHPH = 1,0)
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	110
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,2$	KPH (GHPH = 0,010)
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,02$	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 1,3$	KPH (GHPH = 0,010)
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	9,43
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,05$	< 0,0030
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 1,5$	0,159
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} F:2023	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,3$	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,010)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1914-01

Trang/Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,001$	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO_2^- -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 0,9$	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO_3^- -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,643
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	44,2
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	1,57
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	$\mu\text{g/L}$	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	$\leq 1,0$	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1914-02

Trang/Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp tại vị trí vòi sử dụng - Khu ký túc xá.
- Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
- Lượng mẫu: 22/07/2026.
- Ngày lấy mẫu: 10L.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
- Ngày hoàn thành: 24/08/2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1914-02

Trang/Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,63
5	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	KPH (GHPH = 1,0)
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	106
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,2$	KPH (GHPH = 0,010)
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,02$	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 1,3$	KPH (GHPH = 0,003)
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	9,43
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,05$	< 0,003
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	KPH (GHPH = 0,010)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 1,5$	0,162
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} F:2023	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,3$	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,010)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1914-02

Trang/Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,001	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,9	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,637
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	44,9
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,5
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-C1 G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-C1 G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	≤ 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1914-03.....

Trang/Page:.....1/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước RO - Khu ký túc xá.
- Khách hàng: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
- Lượng mẫu: 22/07/2026.
- Ngày lấy mẫu: 10L.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 22/07/2026 Đến ngày: 24/08/2026.
- Ngày hoàn thành: 24/08/2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1914-03

Trang/Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
4	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,59
5	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	≤ 300	KPH (GHPH = 1,0)
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	≤ 1000	6
7	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,2$	KPH (GHPH = 0,010)
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NH_3 F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
9	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,02$	KPH (GHPH = 0,003)
10	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
11	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 1,3$	KPH (GHPH = 0,010)
12	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	9,41
13	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,05$	$< 0,003$
14	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 1	$< 0,010$
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,010)
16	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 1,5$	0,158
17	Sulfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} F:2023	$\leq 0,05$	KPH (GHPH = 0,015)
18	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,3$	KPH (GHPH = 0,010)
19	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,001)
20	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,010)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1914-03.....

Trang/Page:.....3/3.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
21	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,001$	KPH (GHPH = 0,0003)
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 0,9$	KPH (GHPH = 0,02)
23	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 11	0,621
24	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 200	45,2
25	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,5
26	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	-	KPH (GHPH = 0,10)
27	Benzene	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
28	Benzo(a)pyren	µg/L	US EPA Method 3510C, US EPA Method 3630C, US EPA Method 8270D	-	KPH (GHPH = 0,10)
29	Monocloramin	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 50)
30	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	KPH (GHPH = 0,05)
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	$\leq 0,1$	KPH (GHPH = 0,025)
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	$\leq 1,0$	KPH (GHPH = 0,05)
33	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
34	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
35	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
36	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-03.....

Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2026/1584

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gắn kho LPG.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	µg/m ³	TCVN 5067: 1995	≤ 300	213
2	CO	µg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704A	≤ 350	85,6
4	NO ₂	µg/m ³	MASA Method 406	≤ 200	48,1
5	Toluen	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	µg/m ³	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O ₃	µg/m ³	TCVN 7171:2002	≤ 200	< 5
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	35,6
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	57,6
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	< 0,5
13	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10)

Ghi chú: - QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện
- Chỉ tiêu O₃ do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Vincert 079 thực hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội ngày 28 tháng 08 năm 2026

KÝ THỨC GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-06.....

Trang/Page:.....1/1...

VIMCERTS 093/2026/1587

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gắn cổng 1.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067: 1995	≤ 300	177
2	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA Method 704A	≤ 350	86,7
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA Method 406	≤ 200	52,8
5	Toluen	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O ₃	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 7171:2002	≤ 200	< 5
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	35,4
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	57,3
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	< 0,5
13	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10)

Ghi chú: - QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);

- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện

- Chỉ tiêu O₃ do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Vimcert 079 thực hiện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-05.....

Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2026/1586

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gắn đường Testcouse.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	µg/m ³	TCVN 5067: 1995	≤ 300	193
2	CO	µg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704A	≤ 350	89,1
4	NO ₂	µg/m ³	MASA Method 406	≤ 200	50,6
5	Toluen	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	µg/m ³	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O ₃	µg/m ³	TCVN 7171:2002	≤ 200	< 5
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	35,3
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	56,4
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	< 0,5
13	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10)

Ghi chú:- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);

- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện

- Chỉ tiêu O₃ do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Vimcert 079 thực hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-04.....

Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2026/1585

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh sát hàng rào nhà máy – Gân xương hàn.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Ngày lấy mẫu: 27/07/2026.
Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 27/07/2026 đến ngày: 24/08/2026.
Ngày hoàn thành: 24/08/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023 /BTNMT	Kết quả
1	Bụi/ Dust	µg/m ³	TCVN 5067: 1995	≤ 300	189
2	CO	µg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
3	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704A	≤ 350	87,2
4	NO ₂	µg/m ³	MASA Method 406	≤ 200	52,3
5	Toluen	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 500	KPH (GHPH = 7,0)
6	Xylene	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 1000	KPH (GHPH = 7,0)
7	Benzen	µg/m ³	NIOSH 1501	≤ 22	KPH (GHPH = 7,0)
8	THC	µg/m ³	NIOSH 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 30)
9	O ₃	µg/m ³	TCVN 7171:2002	≤ 200	< 5
10	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	-	35,8
11	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	-	56,2
12	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	-	< 0,5
13	H ₂ S	µg/m ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10)

Ghi chú: - QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Thời gian trung bình 1 giờ);

- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện

- Chỉ tiêu O₃ do thầu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Vimecert 079 thực hiện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-07.....

Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2026/1588

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Kho LPG.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 10h00 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	57,6
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	45

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tàu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-08.....

Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2026/1589

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Xưởng hàn.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 10h15 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	54,2
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	45

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tải phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-09.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1590

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gần đường Testcouse.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 10h30 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	59,7
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	30

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tải phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-10.....

Trang/Page:.....1/1..

VIMCERTS 093/2026/1591

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Công 1.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 10h45 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 70	53,0
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 70	50

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 26:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo **QCVN 27:2010/BTNMT** - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tàu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-11.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1592

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Kho LPG.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 21h00 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	50,6
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	30

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tàu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-12.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1593

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Xưởng hàn.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 21h15 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	50,4
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	35

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tải phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-13.....

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1594

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Đường Testcouse.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 21h30 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	50,2
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	35

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tải phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/1941-14.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1595

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Không khí xung quanh tại vị trí sát hàng rào nhà máy – Gân Cổng 1.
Khách hàng: Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.
Thời điểm đo đạc: 21h45 ngày 27/07/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức cho phép theo QCVN 26: 2010/BTNMT QCVN 27:2010/BTNMT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2: 2018	≤ 55	50,6
2	Độ rung	dB	TCVN 6963: 2001	≤ 60	20

Ghi chú: - Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Mức cho phép Tiếng ồn theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung, thời gian áp dụng trong ngày từ 21 giờ đến 6 giờ;
- Chỉ tiêu độ rung do tàu phụ - Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Vimcert 079 thực hiện.
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.